

DANH SÁCH THEO DÕI TIỀN SINH VIÊN NỢ HỌC PHÍ CAO ĐẲNG LIÊN THÔNG CÁC KHÓA
Tính đến hết ngày 01/10/2025

STT	Mã số	Lớp học	Họ và tên	Số tiền học phí đăng ký học phần kỳ này	Số tiền học phí được miễn giảm	Số tiền học phí còn Phải nộp sau khi trừ miễn giảm	Số tiền học phí đã nộp	Số tiền học phí nợ còn Phải nộp	Số tiền học phí nộp thừa Chuyển kỳ sau
STT	CL23CT1			2,970,000		2,970,000		2,970,000	
1	601230020	CL23CT1	Đặng Gia Long	2,970,000		2,970,000		2,970,000	
STT	CL23QT1			495,000		495,000		495,000	
2	607230028	CL23QT1	Nguyễn Huỳnh Lan Nhi	495,000		495,000		495,000	
STT	CL24CT1			22,770,000		22,770,000		22,770,000	
1	601240009	CL24CT1	Nguyễn Quốc Anh	2,475,000		2,475,000		2,475,000	
2	601240011	CL24CT1	Trần Lê Duy Bảo	2,475,000		2,475,000		2,475,000	
3	601240029	CL24CT1	Hồ Ngọc Châu	2,475,000		2,475,000		2,475,000	
4	601240030	CL24CT1	Nguyễn Hùng Cường	2,475,000		2,475,000		2,475,000	
5	601240020	CL24CT1	Hồ Quốc Khanh	2,475,000		2,475,000		2,475,000	
6	601240017	CL24CT1	Phùng Văn Minh	2,475,000		2,475,000		2,475,000	
7	601240012	CL24CT1	Trần Trung Nghĩa	2,475,000		2,475,000		2,475,000	
8	601240035	CL24CT1	Tôn Thất Quang	2,970,000		2,970,000		2,970,000	
9	601240018	CL24CT1	Lê Triều Vỹ	2,475,000		2,475,000		2,475,000	
STT	CL24DH1			9,900,000		9,900,000		9,900,000	
10	610240010	CL24DH1	Quan Quốc Huy	1,485,000		1,485,000		1,485,000	
11	610240023	CL24DH1	Nguyễn Hồng Phúc	1,485,000		1,485,000		1,485,000	
12	610240031	CL24DH1	Huỳnh Phúc Thành	6,930,000		6,930,000		6,930,000	
STT	CL24KT1			2,970,000		2,970,000		2,970,000	
13	608240022	CL24KT1	Nguyễn Thị Ngọc Yến	2,970,000		2,970,000		2,970,000	
STT	CL24TM1			4,455,000		4,455,000		4,455,000	
14	602240024	CL24TM1	Lý Bội Hân	4,455,000		4,455,000		4,455,000	
STT	CL25CM1			21,285,000	3,861,000	17,424,000	21,879,000		4,455,000
1	606250009	CL25CM1	Lê Phúc Hậu	5,445,000	965,250	4,479,750	5,469,750		990,000
2	606250032	CL25CM1	Lê Thanh Hiệp	4,950,000	965,250	3,984,750	5,469,750		1,485,000
3	606250011	CL25CM1	Trần Đình Gia Kiệt	5,445,000	965,250	4,479,750	5,469,750		990,000
4	606250010	CL25CM1	Nguyễn Quốc Mẫn	5,445,000	965,250	4,479,750	5,469,750		990,000
STT	CL25CM2			1,980,000	1,930,500	49,500	10,939,500		10,890,000
5	606250048	CL25CM2	Nguyễn Gia Bảo	990,000	965,250	24,750	5,469,750		5,445,000
6	606250049	CL25CM2	Võ Bảo Huy	990,000	965,250	24,750	5,469,750		5,445,000
STT	CL25CT1			12,870,000	1,930,500	10,939,500	11,360,500		421,000
7	601250040	CL25CT1	Nguyễn Trọng Nhân	6,435,000	965,250	5,469,750	5,470,000		250
8	601250026	CL25CT1	Phan Nguyễn Minh Tú	6,435,000	965,250	5,469,750	5,890,500		420,750
STT	CL25CT2			1,485,000	1,930,500	-445,500	17,374,500		15,939,000
9	601250001	CL25CT2	Huỳnh Thanh Hậu	495,000		495,000	6,435,000		5,940,000
10	601250033	CL25CT2	Ngô Tuấn Nghĩa	495,000	965,250	-470,250	5,469,750		4,999,500

STT	Mã số	Lớp học	Họ và tên	Số tiền học phí đăng ký học phần kỳ này	Số tiền học phí được miễn giảm	Số tiền học phí còn Phải nộp sau khi trừ miễn giảm	Số tiền học phí đã nộp	Số tiền học phí nợ còn Phải nộp	Số tiền học phí nộp thừa Chuyển kỳ sau
11	601250046	CL25CT2	Võ Minh Thành	495,000	965,250	-470,250	5,469,750		4,999,500
STT	CL25CT3			5,445,000	965,250	4,479,750	5,469,750		990,000
12	601250050	CL25CT3	Trần Giang Duy Khanh	5,445,000	965,250	4,479,750	5,469,750		990,000
STT	CL25DH2			17,325,000	5,148,000	12,177,000	34,452,000		22,275,000
13	610250027	CL25DH2	Nguyễn Trần Ngọc Diệp	2,475,000	965,250	1,509,750	5,469,750		3,960,000
14	610250043	CL25DH2	Nguyễn Văn Thái Hoà	2,970,000	965,250	2,004,750	5,469,750		3,465,000
15	610250028	CL25DH2	Huỳnh Minh Khang	4,455,000	965,250	3,489,750	5,469,750		1,980,000
16	610250042	CL25DH2	Lê Trí Nguyên	2,970,000	965,250	2,004,750	5,469,750		3,465,000
17	610250014	CL25DH2	Trần Nguyễn Thanh Xuân	4,455,000	1,287,000	3,168,000	12,573,000		9,405,000
STT	CL25KT1			5,445,000	643,500	4,801,500	5,792,000		990,500
18	608250004	CL25KT1	Nguyễn Thanh Ngân	5,445,000	643,500	4,801,500	5,792,000		990,500
STT	CL25TM1			24,255,000	4,826,250	19,428,750	28,314,000		8,885,250
19	602250024	CL25TM1	Nguyễn Đình Lộc	5,445,000	965,250	4,479,750	5,469,750		990,000
20	602250019	CL25TM1	Nguyễn Tú Đông Phương	5,445,000	965,250	4,479,750	6,435,000		1,955,250
21	602250035	CL25TM1	Phan Nguyễn Nhật Tâm	3,960,000	965,250	2,994,750	5,469,750		2,475,000
22	602250017	CL25TM1	Lê Thành Thọ	5,445,000	965,250	4,479,750	5,469,750		990,000
23	602250037	CL25TM1	Nguyễn Hoàng Gia Vinh	3,960,000	965,250	2,994,750	5,469,750		2,475,000
STT	CL25TM2			4,950,000	1,930,500	3,019,500	10,939,500		7,920,000
24	602250047	CL25TM2	Lê Trần Hải Đăng	2,475,000	965,250	1,509,750	5,469,750		3,960,000
25	602250044	CL25TM2	Đinh Ngọc Trí	2,475,000	965,250	1,509,750	5,469,750		3,960,000
	TỔNG SỐ			138,600,000	23,166,000	115,434,000	146,520,750	43,560,000	72,765,750

Ngày 01 tháng 10 năm 2025

Hiệu trưởng

Kế toán trưởng

Lập bảng



Nguyễn Thị Đức Trinh

Nguyễn Thị Đức Trinh

Lê Thị Thanh Nhân

Lê Thị Thanh Nhân